

Số: /KH-CĐSL

Sơn La, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH **Công tác tuyển sinh năm 2024**

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng;

Căn cứ Giấy phép số 91/2023/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Tổng Cục giáo dục nghề nghiệp - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 179/QĐ-SKHĐT ngày 11/12/2023 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, sự nghiệp năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 474/QĐ-CĐSL ngày 28/7/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La ban hành Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Sơn La ;

Căn cứ Quyết định số 1076/QĐ-CĐSL ngày 11/12/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ cao đẳng, trung cấp tại Trường Cao đẳng Sơn La;

Trường Cao đẳng Sơn La xây dựng Kế hoạch công tác tuyển sinh năm 2024 như sau:

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Kế hoạch tuyển sinh năm 2024 được xây dựng nhằm giúp cho Hội đồng tuyển sinh và lãnh đạo các phòng, trung tâm, khoa, bộ môn thực hiện thống nhất những nội dung cơ bản của công tác tuyển sinh năm 2024, trên cơ sở đó từng thành viên Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) và các phòng, trung tâm, khoa, bộ môn tổ chức thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

- Công tác tuyên truyền tuyển sinh, tư vấn hướng nghiệp năm 2024 góp phần quảng bá hình ảnh của nhà trường; cung cấp đầy đủ, rộng rãi, thông tin tuyển sinh của nhà trường đến đông đảo học sinh đã và đang học tại các THCS, THPT, Trung tâm GDTX, Trường PTDT nội trú trên địa bàn tỉnh Sơn La và nước CHDCND Lào để thu hút thí sinh đăng ký xét tuyển; góp phần nâng cao chất lượng công tác tuyển sinh của nhà trường.

2. Yêu cầu

- Căn cứ nội dung công tác tuyển sinh năm 2024 tại kế hoạch này, các đơn vị cá nhân có liên quan theo chức năng nhiệm vụ đã được quy định, xây dựng kế hoạch chi tiết cho từng nội dung tuyển sinh đảm bảo đúng quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, UBND tỉnh Sơn La, các quy định của nhà nước và của nhà trường.

- Phân công cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm cho cá nhân thực hiện các nội dung của công tác tuyển sinh; thực hiện nghiêm túc quy chế tuyển sinh hiện hành của các Bộ chủ quản, xử lý nghiêm các cán bộ vi phạm quy chế tuyển sinh, không hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công; đảm bảo công tác tuyển sinh năm 2024 đạt được hiệu quả cao nhất.

- Công tác tuyên truyền tuyển sinh, tư vấn hướng nghiệp :

+ Cung cấp đầy đủ thông tin về nhà trường, các ngành/ngành tuyển sinh năm 2024, chế độ đãi ngộ mà người học được hưởng trong quá trình học tại nhà trường tới học sinh. Định hướng, khuyến khích, động viên nhằm thu hút học sinh trong độ tuổi có năng khiếu vào học một số ngành/ngành: Thanh nhạc, Organ, Biểu diễn nhạc cụ truyền thống, Hội họa, Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc.

+ Việc tuyên truyền phải đảm bảo các quy định của nhà trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động TB&XH góp phần nâng cao chất lượng của công tác tuyên truyền.

- Đảm bảo về tiến độ thời gian, thiết thực và hiệu quả.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Chỉ tiêu tuyển sinh tổng quát

- Trình độ cao đẳng, trung cấp: Tổng chỉ tiêu dự kiến tuyển sinh: **1.515** chỉ tiêu ngân sách, trong đó trình độ Cao đẳng **150** chỉ tiêu, trình độ Trung cấp **1.365** chỉ tiêu.

Trong đó:

+ Trình độ cao đẳng 150 chỉ tiêu (nhóm ngành/ngành Giáo dục nghề nghiệp 100; Giáo dục mầm non 50).

+ Trình độ trung cấp: 1.365 chỉ tiêu (nhóm ngành/ nghề Giáo dục nghề nghiệp).

- Trình độ đại học (liên kết đào tạo): 150 học viên

- Các lớp bồi dưỡng: 1.340 học viên

- Bồi dưỡng tiếng Việt: 315 học viên

- Học sinh học GDTX bậc THPT: 200 học sinh

2. Các ngành, nghề đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh 2024 (đợt 1)

TT	Ngành/nghe tuyển sinh	Quy mô hiện có		Tuyển sinh năm 2024		Ghi chú
		Số lớp (lớp)	Số lượng (HSSV)	Số lớp (lớp)	Số lượng (HSSV)	
I	TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG	14	291	6	150	
1	Công nghệ thông tin	4	46	1	20	
2	Công nghệ kỹ thuật điện, ĐT	3	100	1	30	
3	Hướng dẫn du lịch	2	22	1	15	
4	Quản lý văn hoá			1	15	
5	Chăn nuôi – Thú y	2	24	1	20	
6	Giáo dục mầm non	3	99	1	50	
II	TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP	91	2.192	38	1.005	
1	Kế toán Doanh nghiệp	6	178	2	70	
2	Nghiệp vụ bán hàng	6	162	2	70	
3	Tin học ứng dụng	3	73	2	70	
4	Điện - nước	4	119	1	35	
5	Quản lý đất đai	3	98	2	35	
6	Văn thư hành chính	4	97	2	30	
7	Pháp luật về QLHC công	4	110	2	35	
8	Quản trị khách sạn	2	58	1	35	
9	Công tác xã hội	5	138	3	105	
10	Hướng dẫn du lịch	6	134	2	35	
11	Hành chính văn phòng	1	27	1	35	
12	Pháp Luật	6	181	1	35	
13	Trồng trọt và bảo vệ thực vật	7	199	4	105	
14	Bảo vệ môi trường đô thị	2	60	2	35	
15	Lâm sinh	7	189	3	105	
16	Hội họa	2	8	1	5	
17	Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc	5	78	1	30	
18	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống	1	3	1	5	
19	Organ	4	22	1	15	
20	Thanh Nhạc	4	28	1	10	
21	Chăn nuôi – Thú y	5	140	3	105	
III	TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP VÀ DẠY NGHỀ THƯỜNG XUYÊN	5	175	30	1.050	
1	Trình độ sơ cấp và dạy nghề thường xuyên	5	175	30	1.050	
IV	TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC (Liên kết đào tạo liên thông)	3	108	3	150	
1	Liên kết đào tạo và đào tạo liên thông			3	150	
V	CÁC LỚP BỒI DƯỠNG	18	614	28	1.340	
1	Theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp (cho giáo viên)	11	344	6	300	

TT	Ngành/ngành tuyển sinh	Quy mô hiện có		Tuyển sinh năm 2024		Ghi chú
		Số lớp (lớp)	Số lượng (HSSV)	Số lớp (lớp)	Số lượng (HSSV)	
2	Bồi dưỡng tiếng DTTS (Tiếng Thái, Mông, Lào)	5	200	18	900	
3	Huấn luyện vệ sinh an toàn lao động	2	70	4	140	
VI	BỒI DƯỠNG TIẾNG VIỆT	7	265	8	315	
1	Bồi dưỡng tiếng Việt cho Lưu học sinh	4	141	4	180	
2	Bồi dưỡng tiếng Việt cho cán bộ Lào	3	124	4	135	
VII	CHỈ TIÊU HỌC GDTX BẬC THPT	19	712	4	200	
1	Học sinh học chương trình GDTX bậc THPT	19	712	4	200	

3. Đối tượng tuyển sinh

a. Đối với trình độ trung cấp

- Học sinh đã tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS) trừ một số ngành/ngành đặc thù, cụ thể như sau:

TT	Ngành, nghề tuyển sinh	Mã ngành, nghề	Đối tượng tuyển sinh
1	Thanh nhạc (04 năm)	5210225	Người học có độ tuổi từ 14 tuổi trở lên hoặc đã tốt nghiệp THCS
2	Organ (04 năm)	5210224	Người học đã tốt nghiệp trung học cơ sở (THCS)
3	Organ (06 năm)	5210224	Người học có độ tuổi từ 11-14 tuổi hoặc đã tốt nghiệp THCS trở lên
4	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống (04 năm)	5210216	Người học từ 14 tuổi trở lên hoặc đã tốt nghiệp THCS
5	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống (06 năm)	5210216	Người học có độ tuổi từ 11 đến 14 tuổi
6	Hội họa (04 năm)	5210103	Người học có độ tuổi từ 14 tuổi trở lên hoặc đã tốt nghiệp trung học cơ sở
7	Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc (04 năm)	5210207	Người học có độ tuổi từ 14 tuổi trở lên hoặc đã tốt nghiệp THCS
8	Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc (06 năm)	5210207	Người học có độ tuổi từ 9-13 tuổi

b. Đối với trình độ cao đẳng khối giáo dục nghề nghiệp

- Người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT).
- Người có bằng tốt nghiệp trung cấp và có giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng

kiến thức văn hóa trung học phổ thông hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định.

c. Đối với trình độ cao đẳng khối giáo dục mầm non: Học sinh tốt nghiệp THPT

4. Hình thức tuyển sinh

a. Xét tuyển: Tất cả các ngành/ngành trừ nhóm ngành/ngành Mỹ thuật và nhóm ngành/ngành Nghệ thuật trình diễn.

b. Kết hợp giữa xét tuyển và thi tuyển

* Kết hợp giữa xét tuyển và thi tuyển (năng khiếu) các ngành/ngành của khối nghệ thuật như sau:

TT	Ngành, nghề tuyển sinh	Mã ngành, nghề	Môn thi năng khiếu	Tổ hợp xét tuyển
1	Hội họa	5210103	Vẽ 01 bức tranh với chủ đề tự chọn có: - Ý tưởng phù hợp - Bố cục phù hợp - Màu sắc phù hợp	Toán học- Ngữ văn - Năng khiếu
2	Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc	5210207	- Hình thể - Năng khiếu múa - Năng khiếu tiết tấu	Toán học- Ngữ văn - Năng khiếu
3	Biên đạo múa	5210214	- Hình thể - Năng khiếu múa - Năng khiếu tiết tấu	Toán học- Ngữ văn - Năng khiếu
4	Biểu diễn nhạc cụ truyền thống	5210216	- Hình thể - Năng khiếu nhạc cụ - Thâm âm, tiết tấu, trí nhớ âm nhạc	Toán học- Ngữ văn - Năng khiếu
5	Organ	5210224	- Hình thể - Năng khiếu nhạc cụ - Thâm âm, tiết tấu, trí nhớ âm nhạc	Toán học- Ngữ văn - Năng khiếu
6	Thanh nhạc	5210225	- Hình thể - Năng khiếu thanh nhạc (<i>Hát</i>) - Thâm âm, tiết tấu, trí nhớ âm nhạc	Toán học- Ngữ văn - Năng khiếu

* Kết hợp giữa xét tuyển và thi tuyển Ngành Giáo dục mầm non: Xét điểm các môn văn hóa THPT do cơ sở đào tạo cấp theo quy định, có kết quả điểm trung bình cộng của các môn xét tuyển đạt từ 6,5 trở lên. Điểm trung bình sơ tuyển năng khiếu đạt từ 5,0 trở lên.

TT	Ngành, nghề tuyển sinh	Mã ngành, nghề	Môn thi năng khiếu	Tổ hợp xét tuyển
----	------------------------	----------------	--------------------	------------------

1	Giáo dục mầm non	51140201	- Đọc - Kể chuyện diễn cảm và hát	Toán học - Ngữ văn - Nhảy khiêu
---	------------------	----------	--------------------------------------	---------------------------------------

5. Chính sách ưu tiên tuyển sinh

- Chính sách ưu tiên đối với khối giáo dục: Quy định tại Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTĐ ngày 07/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng (phụ lục 01).

- Chính sách ưu tiên đối với khối Giáo dục mầm non: Thực hiện theo quy định của Nhà nước.

Người học được bố trí chỗ ở trong khu nội trú; được hưởng học bổng chính sách, học bổng khuyến khích học tập và hỗ trợ vay vốn tín dụng để học tập theo quy định hiện hành của Nhà nước:

6. Quyền lợi và chế độ của người học

6.1. Được miễn học phí đối với người tốt nghiệp THCS học tiếp lên trình độ trung cấp.

6.2. Được hưởng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số với mức: **140.000đ/người/tháng, 1.680.000đ/năm**.

6.3. Người học được hưởng chế độ nội trú nếu thuộc các đối tượng sau:

6.3.1. Nếu học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo; cận nghèo; người khuyết tật hoặc học sinh là người dân tộc La Ha được hưởng 100% mức tiền lương cơ sở/tháng (**1.800.000đ/người/tháng, 21.600.000đ/năm**).

6.3.2. Nếu học sinh, sinh viên tốt nghiệp các trường Phổ thông dân tộc nội trú; học sinh, sinh viên là người dân tộc Kinh là người khuyết tật có hộ khẩu thường trú tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, vùng biên giới được hưởng 80% mức tiền lương cơ sở /tháng (**1.440.000đ/người/tháng, 17.280.000đ/ năm**).

6.3.3. Nếu học sinh, sinh viên là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo; cận nghèo có hộ khẩu thường trú tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, vùng biên giới được hưởng 60% mức tiền lương cơ sở/tháng: (**1.080.000đ/người/tháng, 12.960.000đ/năm**).

Ngoài ra, người học có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Sơn La được hưởng hỗ trợ của tỉnh như sau:

6.4. Khuyến khích 01 lần **1.000.000đ/người** cho học sinh học trình độ trung cấp; **2.000.000đ/người** cho sinh viên học trình độ cao đẳng là người dân tộc Mông, Dao, Khơ Mú, La Ha, Kháng, Xinh Mun, Lào; con liệt sỹ; con thương binh hạng 1/4 (nếu là học sinh, sinh viên nữ được hưởng thêm **1.000.000đ**).

6.5. Học sinh, sinh viên không thuộc diện được hưởng chế độ hỗ trợ trong mục thì được tỉnh hỗ trợ cụ thể như sau:

6.5.1. Là người dân tộc thiểu số được hưởng: **447.000đ/tháng, 4.917.000đ/11 tháng.**

6.5.2. Học sinh, sinh viên có hộ khẩu thường trú tại các xã, bản thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; hoặc là người dân tộc Mông, Dao, Kháng, Khơ Mú, Sinh Mun, Lào được hưởng **596.000đ/tháng, 6.556.000đ/11 tháng.**

6.6. Đối với Lưu học sinh

- Lưu học sinh các tỉnh nước CHDCND Lào thuộc diện đào tạo theo chương trình hợp tác tại tỉnh Sơn La (diện ngân sách) được hưởng chính sách hỗ trợ của tỉnh Sơn La.

- Được đảm bảo quyền lợi của người học theo quy định; Được cung cấp đầy đủ thông tin phục vụ học tập phù hợp với điều kiện của Nhà trường; Được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hóa, thể dục, thể thao của Nhà trường.

- Được về nước nghỉ hè, nghỉ lễ, được mời thân nhân đến thăm theo quy định của Việt Nam; được nghỉ phép, nghỉ ốm hoặc nghỉ để chữa bệnh khi có sự đồng ý của các cơ sở đào tạo.

- Được chăm lo, bảo vệ sức khỏe theo chế độ hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

6.7. Đối với ngành sư phạm Giáo dục mầm non:

Được nhà nước hỗ trợ **3.630.000** đồng/tháng để chi trả chi phí sinh hoạt trong thời gian học tập tại trường.

7. Hồ sơ dự tuyển

7.1. Trình độ trung cấp gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển trung cấp (*có mẫu kèm theo*).
- Bản sao có chứng thực hợp lệ học bạ THCS hoặc tương đương; Bản sao có chứng thực hợp lệ bằng tốt nghiệp (*giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời*) THCS hoặc tương đương.
- Bản sao chứng thực hợp lệ các loại giấy tờ ưu tiên (nếu có).
- 02 phong bì dán sẵn tem có ghi rõ địa chỉ báo tin của thí sinh.

7.2. Trình độ cao đẳng gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển cao đẳng; (*có mẫu kèm theo*).
- Bản sao có chứng thực hợp lệ học bạ THPT hoặc tương đương; Bản sao có chứng thực hợp lệ bằng tốt nghiệp (*giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời*) THCS, THPT, trung cấp hoặc tương đương.
- Bản sao chứng thực hợp lệ các loại giấy tờ ưu tiên (nếu có).
- 02 phong bì dán sẵn tem có ghi rõ địa chỉ báo tin của thí sinh.

7.3. Đối với người học tốt nghiệp trình độ trung cấp đăng ký xét tuyển học cao đẳng:

- Phiếu đăng ký xét tuyển cao đẳng; (*có mẫu kèm theo*).
- Bản sao có chứng thực hợp lệ bằng trung cấp và giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định.
- Bản sao chứng thực hợp lệ các loại giấy tờ ưu tiên (nếu có).
- 02 phong bì dán sẵn tem có ghi rõ địa chỉ báo tin của thí sinh.

7.4. Đối với người học là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động

- Quyết định cử đi học của đơn vị hoặc văn bản tương đương và đảm bảo điều kiện được quy định tại điểm a, b và c Khoản 2 điều này.

7.5. Đối với học sinh người nước ngoài (*Lưu học sinh Lào*)

Một (01) bộ hồ sơ bằng tiếng Lào và bản dịch bằng tiếng Việt gồm các giấy tờ sau:

- Quyết định cử đi học của cấp có thẩm quyền (bộ và tỉnh);
 - Chứng chỉ tiếng Việt tương đương **B2** (bậc 4/6) trở lên theo khung năng lực tiếng Việt quy định tại Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01/9/2015;
 - Bản sao có chứng thực hợp lệ học bạ THCS, THPT hoặc tương đương;
- Bản sao có chứng thực hợp lệ bằng tốt nghiệp.

- Phiếu đăng ký xét tuyển cao đẳng; (*Theo mẫu Phụ lục 04*).
- Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước gửi đào tạo;
- Ảnh 4x6 (04 ảnh);
- Bản sao Hộ chiếu có thời hạn sử dụng cho toàn bộ thời gian học tập tại Việt Nam..

8. Thời gian, địa điểm nhận hồ sơ

- **Thời gian:** Từ ngày 01/01/2024.
- **Địa điểm nhận hồ sơ:** Trung tâm Tuyển sinh – Hướng nghiệp và Giới thiệu việc làm Trường Cao đẳng Sơn La

Địa chỉ: 310 Đường Lê Duẩn, Tổ 2, Phường Chiềng Sinh, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La

** Lưu ý: Nhà trường phối hợp với Trung tâm Giáo dục Thường xuyên tỉnh tổ chức đào tạo song song chương trình Giáo dục thường xuyên bậc Trung học phổ thông và chương trình trung cấp (sau khi hoàn thành chương trình học và đủ điều kiện được cấp bằng trung cấp và bằng tốt nghiệp THPT).*

- **Tư vấn tuyển sinh liên hệ theo số điện thoại:**
- + **Máy bàn:** 02123.874.546;
- + **Di động:** 0983.743.932; 0399.388.995; 0335.582.913.
- Ngoài ra thí sinh tham khảo trên trang Websiz nhà trường liên quan đến công tác tuyển sinh tại địa chỉ <http://www.cdsonla.edu.vn>

9. Tuyển sinh Lưu học sinh Lào:

9.1. Đào tạo Tiếng Việt

- Thời gian học: 01 năm;
- Chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Được cấp chứng chỉ tiếng Việt sau khi tốt nghiệp;
- Sử dụng chứng chỉ tiếng Việt để học chuyên ngành tại các trường Cao đẳng, Đại học với các trình độ trong cả nước (*nhóm ngành sư phạm, kỹ thuật, nông - lâm nghiệp, y – dược, kinh tế, dịch vụ...*)

9.2. Đào tạo chuyên ngành:

- Thời gian học: Trình độ Cao đẳng 03 năm, Trung cấp nghề 02 năm (*trừ một số ngành/ngành khối nghệ thuật*).
- Đào tạo: Sau khi đã có chứng chỉ tiếng Việt theo quy định được bố trí học theo chuyên ngành đã chọn;
- Sau khi kết thúc khóa đào tạo và đạt yêu cầu sẽ được cấp bằng trình độ cao đẳng, trung cấp.

9.3. Đối tượng tuyển sinh, hình thức xét tuyển:

9.3.1. Đào tạo Tiếng Việt:

- Tuyển tất cả học sinh Lào đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương, đủ các điều kiện về hồ sơ và sức khỏe.
- Hệ tự túc: Không hạn chế số lượng, xét hồ sơ học sinh nếu hồ sơ đủ điều kiện sẽ được tiếp nhận.

9.3.2. Đào tạo chuyên ngành:

Đã tốt nghiệp các cấp học ở giáo dục phổ thông và đạt trình độ tiếng Việt tương đương B2 (bậc 4/6) trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt quy định tại Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài được miễn yêu cầu về điều kiện tiếng Việt.

9.4. Chế độ chính sách

9.4.1. Đối với toàn bộ LHS Lào

- Miễn phí Bảo hiểm y tế.
- Miễn phí ở trong ký túc xá.
- Miễn phí 03m³ nước, 15 kw điện/người/tháng.
- Nhà trường tổ chức Tết Bunpimay, Tết Nguyên Đán, Quốc khánh Lào, các hoạt động VHVV-TDĐT khác...

9.4.2. Đối với LHS Lào hệ tự túc:

- Hỗ trợ khuyến khích cho LHS đạt thành tích học tập:
 - + Kết quả rèn luyện và học tập đạt xuất sắc: 13.200.000 VNĐ/LHS/năm học.
 - + Kết quả rèn luyện đạt xuất sắc hoặc tốt và học tập đạt giỏi: 12.000.000 đồng/LHS/năm học.
 - Kết quả rèn luyện đạt tốt và học tập đạt khá: 3.600.000 đồng/LHS/năm

học.

- Được xét chuyển sang hệ ngân sách tỉnh Sơn La cho năm học tiếp theo nếu 02 năm liền kê có kết quả rèn luyện xuất sắc, học tập giỏi trở lên.

9.5. Hồ sơ, thời gian, địa điểm, học phí

9.5.1. Hồ sơ:

HS nộp hồ sơ: gồm các giấy tờ 01 bộ bằng tiếng Lào và 01 bộ bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận hoặc chứng thực, như sau:

- (1). *Phiếu đăng ký dành cho người nước ngoài học tập tại Việt Nam.*
- (2). *Bản gốc hoặc bản sao học bạ;*
- (3). *Bản sao Bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;*
- (4). *Sơ yếu lý lịch (ảnh 4x6 cm);*
- (5). *Giấy chứng nhận sức khỏe;*
- (6). *Giấy khai sinh;*
- (7). *Hộ chiếu;*
- (8). *Chứng chỉ tiếng Việt tương đương B2 (bậc 4/6) trở lên theo khung năng lực tiếng Việt quy định tại Thông tư số 17/2015/TT-BGDĐT ngày 01/9/2015 (nếu đăng ký học hệ Cao đẳng)*

9.5.2. Thời gian, địa điểm

- **Thời gian:** Từ tháng 01/2024 Đến tháng 8/2024.

- **Địa điểm:**

+ Địa chỉ 1. Liên hệ với phòng Đào tạo Chuyên nghiệp, Sở Giáo dục Thể thao tỉnh: Hòa Phấn, Xiêng Khoảng, Xay Sôm Bun, Luông Pha Bang, Luông Nậm Thà, Phong Sa Lý, Bò Keo, Xay Nhạ Bu Ly, U Đôm Xay.

+ Địa chỉ 2. Liên hệ với Trường Cao đẳng Sơn La, điện thoại/whatsapp: 0084.979.354.764; Email: quynhhieulo@gmail.com, <https://www.facebook.com/hieu.quynh.90>

9.5.3 Học phí (chỉ đối với LHS hệ tự túc): LHS hệ tự túc học tiếng Việt, Cao đẳng: 12.000.000đ/người/năm học (*tương đương 4.500.000 Kíp*)

(*Ngoài ra không phải nộp bất cứ khoản phí nào khác*)

10. Thời gian dự kiến xét tuyển:

TT	Các đợt tuyển sinh	Thời gian nhận hồ sơ đăng ký	Thời gian xét tuyển và thông báo trúng tuyển (dự kiến)	Ghi chú
1	Đợt 1	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 27/02/2024	Từ ngày 28/02-02/3/2024	
2	Đợt 2	Từ ngày 28/2/2024 đến ngày 24/7/2024	Từ ngày 25-30/7/2024	
3	Đợt 3	Từ ngày 01/8/2024 đến ngày 20/8/2024	Từ ngày 25-30/8/2024	
4	Các đợt tiếp theo cứ 15 ngày Nhà trường tổ chức xét tuyển một đợt.			

Kết thúc mỗi đợt tuyển sinh Hội đồng tuyển sinh nhà trường tiếp tục thông báo tuyển sinh các đợt tiếp theo.

IV. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN TUYỂN SINH, TƯ VẤN HƯỚNG NGHIỆP

1. Thời gian thực hiện

Từ ngày 01/01/2024 đến khi kết thúc tuyển sinh năm 2024.

2. Nội dung triển khai

STT	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian
1	Thông báo kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh năm 2024 qua các phương tiện thông tin đại chúng:		
1.1	Qua Website của nhà trường	Ban Truyền thông Website	01-20/01/2024
1.2	Qua Website các trường THPT, THCS.	Trung tâm TS-HN>VL, Các đoàn công tác	01/01/2024-28/04/2024
1.3	Tuyên truyền trên Mạng xã hội, các trang Fanpage...	Trung tâm TS-HN>VL, CBVC nhà trường, Đoàn trường phát động HSSV chia sẻ thông tin	01-01-30/12/2024
2	Tổ chức các đoàn thực hiện công tác tuyên truyền tuyển sinh		
2.1	Gửi qua HSSV các văn bản và tài liệu tuyên truyền tuyển sinh đến các xã trong tỉnh và 9 tỉnh Bắc Lào	Đoàn thanh niên	Trước ngày 30/01/2024
2.2	Tổ chức các đoàn tuyên truyền tuyển sinh, tư vấn hướng nghiệp đến các trường THPT, PTDT Nội trú, Trung tâm GDTX, THCS.	Trung tâm TS-HN>VL, các phòng, các khoa (có quyết định thành lập các đoàn sau)	01-30/4/2024
<p>- Thống nhất với Ban Giám hiệu các trường THPT, PTDT Nội trú, THCS, Trung tâm GDTX tổ chức gặp mặt Phụ huynh, học sinh đang học lớp 12, lớp 6-9 trong khoảng 30 phút để giới thiệu về trường CĐSL, những nội dung cơ bản về công tác tuyển sinh của trường năm 2024, phổ biến về quyền lợi của người học tại trường CĐSL, phổ biến về cơ hội việc làm của người học sau tốt nghiệp.</p> <p>- Lắng nghe những ý kiến phản hồi từ phụ huynh, học sinh, các nhà trường THPT, PTDT Nội trú, THCS, Trung tâm GDTX về công tác tuyển sinh của trường những năm qua, giải đáp những thắc mắc từ phía học sinh trong phạm vi có thể hoặc ghi chép, phản ánh để nhà trường xem xét, trả lời kịp thời tới các trường THPT, PTDT Nội trú, THCS, Trung tâm GDTX.</p> <p>- Phân phối tài liệu tuyên truyền tuyển sinh: Tờ rơi, thông báo tuyển sinh in trên nền bạt đến các trường và học sinh.</p>			

	- Hướng dẫn học sinh lựa chọn trình độ đào tạo, lựa chọn ngành, nghề theo học trong kế hoạch tuyển sinh năm 2024 của trường CĐSL.		
	- Chuyển hồ sơ xét tuyển đến lãnh đạo các trường để phát cho học sinh có nhu cầu vào học tại trường CĐSL.		
2.3	Tuyên truyền hướng nghiệp cho phụ huynh, học sinh THCS, THPT	Trung tâm TS-HN>VL, các phòng, các khoa	01/01 đến 30/11/2024
3	Giao khoán hồ sơ tuyển sinh cho các khoa quản lý ngành/ngành tuyển sinh năm 2024 nhằm đảm bảo đủ thí sinh dự tuyển	Các khoa quản lý ngành/ngành	Tháng 4/2024
4	Tham gia ngày hội việc làm giới thiệu, quảng bá hình ảnh của nhà trường; phát tờ rơi, tuyên truyền ngành/ngành Tuyển sinh năm 2024.	Trung tâm TS-HN>VL, các phòng, các khoa	Tháng 4-6/2024
5	Gửi qua Lưu học sinh, cán bộ Lào đang học tiếng việt các văn bản và tài liệu (tiếng việt và dịch tiếng Lào) tuyên truyền tuyển sinh đến 9 tỉnh Bắc Lào	Trung tâm TS-HN>VL, Phòng TC HSSV, Khoa Đào tạo Quốc tế	Trước ngày 13/01/2024

* Lưu ý :

- Không tự thành lập các đoàn công tác tuyển sinh không theo kế hoạch. Riêng về tuyển sinh liên kết trình độ đại học, Trung tâm TS-HN>VL xây dựng kế hoạch tổng thể trình BGH phê duyệt.

- Các đơn vị được phân công thực hiện các nội dung trong kế hoạch lập báo cáo khi hoàn thành công việc gửi Ban Giám hiệu (Thông qua Trung tâm TS-HN>VL).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung tâm tuyển sinh – Hướng nghiệp và Giới thiệu việc làm

- Tham mưu cho Hiệu trưởng xây dựng các văn bản liên quan đến công tác tuyển sinh năm 2024 của nhà trường.

- Tổ chức thực hiện công tác tuyển sinh năm 2024 theo đúng chức năng nhiệm vụ được giao.

- Hoàn thiện và lưu trữ hồ sơ liên quan đến công tác tuyển sinh theo Quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh Sơn La và các quy định hiện hành của nhà nước.

- Xây dựng quy chế tuyển sinh năm 2024, trong đó cụ thể về phương thức tuyển sinh (tiêu chí xét tuyển, nguyên tắc xét tuyển và một số nội dung theo quy định).

- Chủ trì, phối hợp với các phòng chức năng có liên quan triển khai thống nhất thông tin tuyển sinh, chuẩn bị tờ rơi tuyển sinh và hồ sơ xét tuyển năm 2024.

- Chuẩn bị tài liệu, thiết kế gian hàng tham gia Ngày hội việc làm; phân công đơn vị/cá nhân tham gia.

- Phối hợp cùng Phòng đào tạo chuẩn bị tài liệu cần thiết khác phục vụ công tác tuyên truyền.

- Tham mưu thành lập các đoàn công tác tuyên truyền tuyển sinh, tư vấn hướng nghiệp cho phụ huynh, học sinh THPT, THCS.

2. Phòng Đào tạo

Chuẩn bị các tài liệu liên quan đến công tác tuyên truyền tuyển sinh năm 2024 của nhà trường (In ấn tài liệu giới thiệu về ngành, nghề, quyền lợi của người học... năm tuyển sinh 2024).

3. Phòng Công tác Học sinh sinh viên

- Rà soát chế độ chính sách hiện hành của nhà nước đối với người học được hưởng khi học tại nhà trường năm tuyển sinh 2024 chuyển về phòng Đào tạo trước ngày 30/12/2023.

- Phối hợp với Trung tâm TS-HN>VL, phòng Đào tạo phân phối tài liệu đến các trường THPT, PTDTNT, Trung tâm GDTX, THCS, 9 tỉnh Bắc Lào và giao cho từng đoàn để tổ chức chuyển công tác.

- Phối hợp với Khoa Đào tạo Quốc tế dịch tài liệu tuyên truyền tuyển sinh tiếng Việt và dịch tiếng Lào.

4. Phòng Tổ chức – Hành chính

- Tham mưu quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh năm 2024 của nhà trường.

- Chuẩn bị phương tiện, kế hoạch công tác cho các đoàn (khi có lãnh đạo nhà trường tham dự).

- Quản lý và chịu trách nhiệm với những đợt công tác ngoài kế hoạch đã phê duyệt.

5. Phòng Kế hoạch - Tài chính

- Chuẩn bị kinh phí để tổ chức, triển khai công tác tuyên truyền về tuyển sinh năm 2023 theo đúng chế độ quy định.

- Hướng dẫn chi trả chế độ và hỗ trợ kinh phí để các đoàn công tác triển khai và hoàn thiện hồ sơ quyết toán.

6. Các đơn vị trong nhà trường

- Phối hợp với Trung tâm Tuyển sinh – Hướng nghiệp và giới thiệu việc làm thực hiện tốt công tác tuyển sinh năm 2024 của nhà trường.

- Thực hiện công tác tuyển sinh khi có sự phân công của Hiệu trưởng.

- Các khoa chủ động xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác tuyên truyền tuyển sinh năm 2024 của khoa.

7. Đề nghị Đoàn thanh niên

Phối hợp với Trung tâm TS-HN>VL, phòng Đào tạo, phòng CTHSSV cử HSSV phát tờ rơi và thông báo tuyển sinh tại các xã trong tỉnh và 9 tỉnh Bắc Lào.

8. Cán bộ, viên chức trong toàn trường

Chủ động tuyên truyền các ngành, nghề; các hệ bồi dưỡng, liên kết của nhà trường đến các đối tượng với nhiều hình thức khác nhau.

Trên đây là Kế hoạch công tác tuyển sinh năm 2024 của Trường Cao đẳng Sơn La, để công tác tuyển sinh đạt được hiệu quả, đề nghị toàn thể các đơn vị, cán bộ viên chức trong nhà trường tích cực triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (chỉ đạo);
- Các đơn vị trực thuộc (thực hiện);
- Ban truyền thông (Trang P.TC-HC);
- Lưu VT, T.TSVL (05 bộ).

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đức Long

PHỤ LỤC 01

CÁC CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

1. Chính sách ưu tiên theo đối tượng.

a) Nhóm ưu tiên 1 (UT1) gồm các đối tượng:

- Đối tượng 01: Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú tại: các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hiện hành; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình giảm nghèo bền vững theo quy định hiện hành.

- Đối tượng 02: Người lao động đã làm việc liên tục 5 năm trở lên trong đó có ít nhất 2 năm là chiến sĩ thi đua được cấp tỉnh trở lên công nhận và cấp bằng khen.

- Đối tượng 03:

+ Thương binh, bệnh binh, người có “Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh”;

+ Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 12 tháng trở lên tại Khu vực 1;

+ Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên;

+ Quân nhân, công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định;

+ Các đối tượng ưu tiên quy định tại điểm i, k, l, m khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh số 02/2020/PL-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ưu đãi người có công với cách mạng.

- Đối tượng 04:

+ Con liệt sĩ;

+ Con thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

+ Con bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

+ Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 81% trở lên;

+ Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”;

+ Con của Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, con của Anh hùng lao động;

+ Người bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;

+ Con của người có công với cách mạng quy định tại điểm a, b, d khoản 1 Điều 3 Pháp lệnh số 02/2020/PL-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ưu đãi người có công với cách mạng.

b) Nhóm ưu tiên 2 (UT2) gồm các đối tượng:

- Đối tượng 05:

+ Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học;

+ Quân nhân, công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ dưới 18 tháng không ở Khu vực 1;

+ Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở.

Thời hạn tối đa được hưởng ưu tiên đối với quân nhân, công an phục viên, xuất ngũ ở ngành, nghề dự thi hay đăng ký xét tuyển vào học trình độ cao đẳng, trung cấp là 18 tháng kể từ ngày ký quyết định xuất ngũ đến ngày dự thi hay đăng ký xét tuyển.

- Đối tượng 06:

+ Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú ở ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01;

+ Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%;

+ Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%;

+ Con của người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;

+ Con của người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế được hưởng chế độ ưu tiên theo quy định tại khoản 3, Điều 36 Pháp lệnh số 02/2020/PL-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ưu đãi người có công với cách mạng;

+ Con của người có công giúp đỡ cách mạng.

- Đối tượng 07:

+ Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;

+ Người lao động ưu tú thuộc tất cả các thành phần kinh tế được từ cấp tỉnh, Bộ trở lên công nhận danh hiệu thợ giỏi, nghệ nhân, được cấp bằng hoặc huy hiệu Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam hoặc Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh;

+ Y tá, dược tá, hộ lý, kỹ thuật viên, y sĩ, dược sĩ trung cấp đã công tác đủ 3 năm trở lên thi vào các ngành y, dược.

c) Những đối tượng ưu tiên khác đã được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành sẽ do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, quyết định;

d) Người có nhiều diện ưu tiên theo đối tượng chỉ được hưởng một diện ưu tiên cao nhất.

2. Chính sách tuyển thẳng

a) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến, Chiến sĩ thi đua toàn quốc: tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương trở lên được tuyển thẳng vào học trình độ cao đẳng; tốt nghiệp trung học cơ sở, tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương) được tuyển thẳng vào học trình độ trung cấp;

b) Người đã trúng tuyển vào các trường, nhưng ngay năm đó có lệnh điều động đi nghĩa vụ quân sự hoặc đi thanh niên xung phong tập trung nay đã hoàn thành nghĩa vụ, được phục viên, xuất ngũ mà chưa được nhận vào học ở một trường lớp chính quy dài hạn nào, được từ cấp trung đoàn trong quân đội hoặc Tổng đội thanh niên xung phong giới thiệu, nếu có đủ các điều kiện và tiêu chuẩn về sức khỏe, có đầy đủ các giấy tờ hợp lệ thì được xem xét nhận vào học tại trường trước đây đã trúng tuyển. Nếu việc học tập bị gián đoạn từ 3 năm trở lên và các đối tượng được tuyển thẳng có nguyện vọng, thì được xem xét giới thiệu vào các trường, lớp dự bị để ôn tập trước khi vào học chính thức;

c) Thí sinh đoạt từ giải khuyến khích trở lên trong các kỳ thi Olympic, hội thi khoa học kỹ thuật, thi chọn học sinh giỏi từ cấp tỉnh trở lên tổ chức được tuyển thẳng học trình độ trung cấp và đoạt giải khuyến khích trở lên trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, thí sinh đoạt giải khuyến khích trở lên trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, được tuyển thẳng vào cao đẳng theo đúng ngành, nghề hoặc gần ngành, nghề của môn mà thí sinh đã đoạt giải. Nếu thí sinh chưa tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung học cơ sở sẽ được bảo lưu sau khi tốt nghiệp;

d) Thí sinh đã tốt nghiệp trung học là thành viên đội tuyển quốc gia, được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ tham gia thi đấu trong các giải quốc tế chính thức, bao gồm: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á được tuyển thẳng vào học trình độ cao đẳng và thí sinh đoạt từ giải khuyến khích trở lên trong các giải thi đấu thể dục, thể thao từ cấp tỉnh trở lên tổ chức được tuyển thẳng vào học trình độ trung cấp thể dục, thể thao hoặc các ngành thể dục, thể thao của các trường theo quy định của từng trường;

đ) Thí sinh năng khiếu nghệ thuật đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tốt nghiệp hệ trung cấp các trường năng khiếu nghệ thuật, đạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế được tuyển thẳng vào học các ngành, nghề tương ứng trình độ cao đẳng và thí sinh đoạt từ giải khuyến khích trở lên trong các cuộc thi nghệ thuật từ cấp tỉnh trở lên tổ chức được tuyển thẳng vào học các ngành, nghề tương ứng trình độ trung cấp của các trường năng khiếu, nghệ thuật theo quy định của từng trường;

Những thí sinh đoạt giải các ngành thể dục thể thao, năng khiếu nghệ thuật, thời gian được tính để hưởng ưu tiên là không quá 4 năm tính đến ngày dự thi hay xét tuyển vào trường.

e) Đối với thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định: Hiệu trưởng các trường căn cứ vào kết quả học tập trung học phổ thông của học sinh (học bạ), tình trạng sức khỏe và yêu cầu của ngành, nghề đào tạo để xem xét, quyết định cho vào học;

g) Đối với thí sinh là người nước ngoài, có nguyện vọng học tại các trường cao đẳng, trung cấp Việt Nam: Hiệu trưởng các trường căn cứ kết quả học tập trung học phổ thông của học sinh (bảng điểm), kết quả kiểm tra kiến thức và tiếng Việt theo quy định của trường để xem xét, quyết định cho vào học;

h) Thí sinh có hộ khẩu thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp trung học phổ thông tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo hộ khẩu thường trú) tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển theo quy định hiện hành; thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ;

i) Người có bằng trung cấp loại giỏi trở lên và người có bằng trung cấp loại khá có ít nhất 02 năm làm việc theo ngành, nghề đã được đào tạo, đáp ứng quy định tại khoản 2, Điều 3 của Thông tư này sẽ được tuyển thẳng vào cùng ngành, nghề trình độ cao đẳng;

k) Người đạt một trong các giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề quốc gia đáp ứng quy định tại khoản 2, Điều 3 của Thông tư này sẽ được tuyển thẳng vào trường để học ngành, nghề phù hợp với nghề đã đoạt giải ở trình độ cao đẳng;

l) Thí sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông (hoặc tương đương) có hạnh kiểm xếp loại khá trở lên, thuộc một trong các đối tượng sau đây được tuyển thẳng vào học trình độ trung cấp:

+ Con liệt sĩ;

+ Con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh mất sức lao động từ 81% trở lên;

+ Mồ côi cả cha lẫn mẹ.

3. Thí sinh không dùng quyền tuyển thẳng được ưu tiên xét tuyển vào học trình độ cao đẳng

a) Đối với thí sinh đoạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, các kỳ thi tay nghề quốc gia, đoạt giải trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia và đã tốt nghiệp trung học phổ thông, hiệu trưởng các trường xem xét, quyết định cho vào học;

b) Thí sinh đoạt huy chương bạc, huy chương đồng của các giải vô địch hạng nhất quốc gia tổ chức 1 lần trong năm và thí sinh được Ủy ban Thể dục thể thao có quyết định công nhận là vận động viên cấp 1 quốc gia đã tốt nghiệp trung học phổ thông được ưu tiên xét tuyển vào trình độ cao đẳng thể dục thể thao hoặc các ngành thể dục thể thao tương ứng của các trường;

c) Thí sinh năng khiếu nghệ thuật đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tốt nghiệp hệ trung cấp các trường năng khiếu nghệ thuật, đoạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc được trường ưu tiên xét tuyển vào trình độ cao đẳng theo quy định của từng trường;

Những thí sinh đoạt giải các ngành thể dục thể thao, năng khiếu nghệ thuật thời gian được tính để hưởng ưu tiên là không quá 4 năm tính đến ngày thi tuyển sinh vào trường.

d) Hằng năm, thí sinh dự tuyển thuộc đối tượng tuyển thẳng làm hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng (đơn đăng ký xét tuyển thẳng, các tài liệu minh chứng được hưởng chính sách tuyển thẳng), nộp trực tiếp cho trường dự kiến đăng ký tuyển thẳng trong thời gian thu nhận hồ sơ của trường.

4. Thí sinh thuộc diện tuyển thẳng nhưng không sử dụng quyền được tuyển thẳng nếu dự tuyển theo hình thức thi tuyển hoặc xét tuyển được ưu tiên cộng điểm theo quy định của trường vào tổng điểm các môn dự tuyển của thí sinh.

Hằng năm, thí sinh dự tuyển thuộc đối tượng tuyển thẳng làm hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng (đơn đăng ký xét tuyển thẳng, các tài liệu minh chứng được hưởng chính sách tuyển thẳng), nộp cho trường dự kiến đăng ký tuyển thẳng trong thời gian thu nhận hồ sơ theo quy định của nhà trường.

5. Chính sách ưu tiên theo khu vực

a) Thí sinh học liên tục và tốt nghiệp trung học tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Nếu trong 3 năm học trung học phổ thông (hoặc trong thời gian học trung cấp) có chuyển trường thì thời gian học ở khu vực nào lâu hơn được hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Nếu mỗi năm học một trường thuộc các khu vực có mức ưu tiên khác nhau hoặc nửa thời gian học ở trường này, nửa thời gian học ở trường kia thì tốt nghiệp ở khu vực nào, hưởng ưu tiên theo khu vực đó. Quy định này áp dụng cho tất cả thí sinh, kể cả thí sinh đã tốt nghiệp từ trước năm thi tuyển sinh;

b) Các trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú:

- Học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú;

- Học sinh các trường, lớp dự bị;

- Học sinh các lớp tạo nguồn được mở theo quyết định của các Bộ, cơ quan ngang Bộ hoặc ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Học sinh có hộ khẩu thường trú (trong thời gian học trung học phổ thông hoặc trung cấp) trên 18 tháng tại các xã khu vực III và các xã có thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình giảm nghèo bền vững theo quy định hiện hành nếu học trung học phổ thông (hoặc trung cấp) tại địa điểm thuộc huyện, thị xã có ít nhất một trong các xã thuộc diện nói trên;

- Quân nhân, công an nhân dân được cử đi dự thi, nếu đóng quân từ 18 tháng trở lên tại khu vực nào thì hưởng ưu tiên theo khu vực đó hoặc theo hộ khẩu thường trú trước khi nhập ngũ, tùy theo khu vực nào có mức ưu tiên cao hơn; nếu dưới 18 tháng thì hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú trước khi nhập ngũ.

c) Các khu vực tuyển sinh được phân chia như sau:

- Khu vực 1 (KV1) gồm: Các xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi theo quy định hiện hành tương ứng với thời gian học trung học phổ thông/trung học cơ sở hoặc trung cấp của thí sinh, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo và các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình giảm nghèo bền vững theo quy định hiện hành;

- Khu vực 2 - nông thôn (KV2-NT) gồm: Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3;

- Khu vực 2 (KV2) gồm: Các thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã, huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc trung ương (trừ các xã thuộc KV1).;

- Khu vực 3 (KV3) gồm: Các quận nội thành của thành phố trực thuộc trung ương. Thí sinh thuộc KV3 không thuộc diện hưởng ưu tiên khu vực.

6. Khung điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực tuyển sinh

Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 (một phần tư điểm) đối với thang điểm 10./.

PHỤ LỤC 02

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP Năm:

I Thông tin cá nhân

1 Họ và tên*:

2 Ngày tháng năm sinh*:

3 Giới tính Nam Nữ

THCS THPT

4 Trình độ văn hóa*:

5 Email:

6 Điện thoại liên hệ*:

7 Địa chỉ liên hệ*:

8 Đối tượng ưu tiên (nếu có):

II Thông tin đăng ký học

9 Tên trường*: Trường Cao đẳng Sơn La Mã số: CDD1402

10 Tên ngành/nghề học*:

- Ngành/nghề 1: Mã ngành/nghề:

Trình độ đào tạo: Trung cấp Cao đẳng

- Ngành/nghề 2: Mã ngành/nghề:

Trình độ đào tạo: Trung cấp Cao đẳng

- Ngành/nghề 3: Mã ngành/nghề:

Trình độ đào tạo: Trung cấp Cao đẳng

....., ngày tháng năm.....

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

HƯỚNG DẪN

Ghi Phiếu đăng ký dự tuyển vào giáo dục nghề nghiệp

Thí sinh ghi đầy đủ các nội dung từ mục 1 đến mục 10 (nội dung có ký tự (*) là phần bắt buộc phải có) và lưu ý một số nội dung sau:

1. **Mục 1, 2:** Ghi đầy đủ họ tên, ngày tháng năm sinh theo học bạ (hoặc theo Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, Hộ chiếu nếu có);
2. **Mục 4:** Nếu đã tốt nghiệp THCS, THPT thì đánh dấu vào ô thích hợp. Nếu đang học thì ghi rõ lớp đang học (Ví dụ: Đang học lớp 12; đang học lớp 9).
3. **Mục 6:** Ghi số điện thoại của người nhận giấy báo và số điện thoại của thí sinh (nếu có), số điện thoại của thí sinh ghi sau số điện thoại của người nhận giấy báo;
4. **Mục 7:** Ghi rõ tên người nhận và địa chỉ của người nhận giấy báo. Địa chỉ phải đầy đủ: Số nhà, đường, phố, thôn (bản), xã (phường), huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh), tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương).
5. **Mục 9:** Thí sinh ghi chính xác tên trường muốn học kèm theo Mã số trường. Mỗi Phiếu đăng ký dự tuyển chỉ đăng ký ở một trường cụ thể.

6. Mục 10:

* Thí sinh tìm hiểu về ngành nghề đào tạo, trường đào tạo trước khi đăng ký. Có 3 cách cơ bản để tìm hiểu về những thông tin trên như sau:

(1) Tham khảo sách “Những điều cần biết về tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp” được phát hành hàng năm trên Công thông tin điện tử của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (Địa chỉ: <http://gdnn.gov.vn>);

(2) Truy cập website: <http://tuyensinh.gdnn.gov.vn/>, tìm kiếm theo từng tỉnh để biết về các trường và các nghề đào tạo của trường;

(3) Cài đặt ứng dụng “**Chọn nghề**” trên thiết bị di động (máy tính bảng, điện thoại Smartphone,...) để tìm hiểu về ngành nghề, về trường học.

Trường hợp không biết chính xác mã nghề có thể bỏ trống.

Theo cách (2) và (3), thí sinh có thể đăng ký tuyển sinh trực tuyến và có thể đăng ký từ 1 đến 3 nguyện vọng (3 ngành nghề).

* Về trình độ đào tạo: Đánh dấu (x) vào ô phù hợp:

- Trình độ trung cấp: Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THCS và tương đương trở lên;

- Trình độ cao đẳng: Đối tượng tuyển sinh:

(1) Học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

(2) Người có bằng tốt nghiệp trung cấp và có giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông hoặc giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa THPT hoặc đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của pháp luật về giáo dục./.

PHỤ LỤC 03

BÁO CÁO SỐ LIỆU TUYỂN SINH

Thời điểm báo cáo: Ngày tháng năm

Đơn vị: Trường Cao đẳng Sơn La

Địa chỉ:

Điện thoại trường:

T T	Ngành, nghề đào tạo	Kế hoạch tuyển sinh năm..... (theo đăng ký chỉ tiêu TS đầu năm)				Kết quả tuyển sinh																	
		Tổng số	C Đ	T C	SC và đào tạo nghề nghiệp P khác	Tổng số tuyển sinh các trình độ	Trong tổng số tuyển sinh:		Chia theo trình độ đào tạo										SC và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác				
							Nữ	Dân tộc thiểu số/ít người	CĐ			TC				SC và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác							
									Cộng CĐ	Tuyển mới	Liên thông g	Trong đó:	Cộng TC	Tốt nghiệp P THCS	Tốt nghiệp P THPT	Trong đó:	Cộng SC và đào tạo nghề nghiệp khác	SC	Chươn g trình đào tạo nghề nghiệp khác	Trong đó:			
																					Nữ	Dân tộc thiểu số/ít ngườ i	Tốt nghiệp P THCS
Mã ngành, nghề	Tên ngành, nghề	(1)=(2)+(3))+(4)	(2)	(3)	(4)	(5)=(8)+(13)+(18)	(6)=(11) (7)=(12)+(1 7)+(22)	(8)=(9)+(1 0)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(14)+(15)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)=(19)+(20)	(19)	(20)	(21)	(22)	
1	Ngành nghề:																						
2	Ngành nghề:																						
...																							
...																							
	Tổng cộng																						

Dán ảnh cỡ
4x6
Attach your
photo size 4x6

PHỤ LỤC 04

**PHIẾU ĐĂNG KÝ
DÀNH CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI HỌC TẬP TẠI VIỆT NAM
APPLICATION FORM**

FOR INTERNATIONAL APPLICANTS TO STUDY IN VIETNAM

*Hãy điền đầy đủ thông tin vào chỗ trống hoặc đánh dấu (✓) vào các ô tương ứng. Viết họ tên bằng chữ in hoa. Please fill in the blanks or tick (✓) appropriate boxes. Write your full name in **BLOCK** letters.*

1	Họ/Family name	Tên đệm/Middle name	Tên/First name
2	Ngày sinh/Date of birth:	Ngày/Day. tháng/month năm/year.	
3	Giới tính/Gender:	<input type="checkbox"/> Nam/Male	<input type="checkbox"/> Nữ/Female
4	Nơi sinh/Place of birth:	Thành phố/City. Nước/Country.	
5	Quốc tịch/Nationality:	
6	Nghề nghiệp/Occupation:	
7	Tôn giáo/Religion:	
8	Hộ chiếu/Passport:	Số/Number	Nơi cấp/Place of issue
		Ngày cấp/Date of issue	Ngày hết hạn/Expiry date
9	Tình trạng hôn nhân/ Marital status:	<input type="checkbox"/> Độc thân/Single <input type="checkbox"/> Đã kết hôn/Married <input type="checkbox"/> Ly đị/Divorced	
10	Tiếng mẹ đẻ/Native language:	
11	Địa chỉ liên hệ trong nước/ Home country contact address:	
12	Điện thoại nhà riêng trong nước/Home phone number in your home country:	

13	Người liên hệ khi cần báo tin ở trong nước/Contact person in your home country in case of emergency:	
	Họ tên/Full name	Quan hệ/Relationship
	Địa chỉ nơi ở/Residential address	Nơi làm việc/Place of work
	Điện thoại/Phone number	Email

14	Quá trình học tập/Educational background:			
	Năm học Academic year	Cơ sở đào tạo Institution	Ngành học Field of Study	Văn bằng, chứng chỉ Qualifications

15	Quá trình công tác/Employment record:			
	15.1 Cơ quan công tác/Employer:		
	Thời gian công tác/Time of employment:		Từ/From: tháng/month. năm/year. Đến/To: tháng/month. năm/year.	
	Vị trí công tác/Job Title:		
	Mô tả công việc/Job Description:		
	15.2 Cơ quan công tác/Employer:		
	Thời gian công tác/Time of employment:		Từ/From: tháng/month. năm/year. Đến/To: tháng/month. năm/year.	
	Vị trí công tác/Job Title:		
16	Tự đánh giá trình độ tiếng Việt/Self assessed Vietnamese language proficiency:			
	<input type="checkbox"/> Không biết tiếng Việt/Zero Vietnamese proficiency <input type="checkbox"/> Biết tiếng Việt /Some Vietnamese Proficiency Chọn trình độ tương ứng ở cột bên cạnh/Tick appropriate box in the next column:		<input type="checkbox"/> Sơ cấp/Elementary <input type="checkbox"/> Trung cấp/Intermediate <input type="checkbox"/> Cao cấp/Advanced	
	Nếu bạn đã học ở Việt Nam bằng tiếng Việt, hãy điền các thông tin dưới đây/If you have studied in Vietnam in Vietnamese, complete all following required information:			
	Tên các trường đã học/Names of institutions attended:		
Tổng thời gian đã học/Total length of study:	 giờ/hours tháng/months năm/years		

	Giấy chứng nhận trình độ tiếng Việt/Certificate of Vietnamese language proficiency:	<input type="checkbox"/> Không/No <input type="checkbox"/> Có/Yes Trình độ/Level:
	Loại văn bằng tốt nghiệp đã được cấp/Types of qualifications awarded:	<input type="checkbox"/> THPT/High school <input type="checkbox"/> Cao đẳng/College <input type="checkbox"/> Đại học/Bachelor <input type="checkbox"/> Thạc sĩ/Master <input type="checkbox"/> Tiến sĩ/Doctor
17	Trình độ tiếng Anh/English Language Proficiency: <input type="checkbox"/> Không biết tiếng Anh/Zero English proficiency <input type="checkbox"/> Biết tiếng Anh/Some English Proficiency Chọn trình độ tương ứng ở cột bên cạnh/Tick appropriate box in the next column:	<input type="checkbox"/> Sơ cấp/Elementary <input type="checkbox"/> Trung cấp/Intermediate <input type="checkbox"/> Cao cấp/Advanced
18	Ngoại ngữ khác/Other foreign languages: Trình độ/Level: Trình độ/Level:	
19	Khóa học đăng ký/Proposed Study Program: <input type="checkbox"/> Tiểu học/Primary School <input type="checkbox"/> Trung học cơ sở/Lower Secondary School <input type="checkbox"/> Trung học phổ thông/Upper Secondary School	
	<input type="checkbox"/> Trung cấp chuyên nghiệp/Secondary Professional and Technical School <input type="checkbox"/> Cao đẳng/Associate <input type="checkbox"/> Đại học/Bachelor <input type="checkbox"/> Thạc sĩ/Master <input type="checkbox"/> Tiến sĩ/PhD <input type="checkbox"/> Thực tập sinh/Research Fellowship <input type="checkbox"/> Khóa học ngắn hạn/Short-term training course	
20	Ngành học, lĩnh vực nghiên cứu đăng ký/Proposed field of study/research:	
21	Thời gian học đăng ký/Proposed period of study: Từ/From: ngày/day tháng/month năm/year. Đến/To: ngày/day tháng/month năm/year.	
22	Cơ sở giáo dục đăng ký/Proposed educational institution for study/research:	
23	Ngôn ngữ đăng ký sử dụng cho khóa học/Proposed language medium for study: <input type="checkbox"/> Tiếng Việt/Vietnamese <input type="checkbox"/> Tiếng Anh/English <input type="checkbox"/> Ngôn ngữ khác/Other language:	
24	Thành viên trong gia đình đang ở Việt Nam (nếu có)/Your family members living in Vietnam (if any):	

	Họ tên/Full name	Quan hệ/Relationship	Địa chỉ/Address
	1.....
	2.....
25	Chi phí trong thời gian học tập tại Việt Nam/Source of funding for your study in Vietnam: <input type="checkbox"/> Học bổng Chính phủ Việt Nam/Vietnamese Government Scholarship <input type="checkbox"/> Học bổng khác/Other Scholarship <input type="checkbox"/> Tự túc kinh phí/Self-funding		
26	<p>Tôi, người ký tên dưới đây, xin cam đoan tất cả thông tin tôi ghi trong Phiếu đăng ký này là hoàn toàn trung thực và chính xác. Tôi xin cam kết tuân thủ Pháp luật của Việt Nam, Quy chế quản lý lưu học sinh nước ngoài học tập tại Việt Nam và nội quy, quy định của cơ sở đào tạo, cơ sở nội trú trong suốt thời gian lưu học tại Việt Nam.</p> <p>I, the undersigned, hereby acknowledge that all the information on this Application Form is true and correct to the best of my knowledge. I hereby undertake to comply strictly with all the laws and the regulations of the Vietnamese Government, all regulations applicable to international students studying in Vietnam, all regulations of the educational institutions and accommodation providers throughout my stay in Vietnam.</p>		
Ngày/Daytháng/month năm/year Ký tên/Applicant's signature:			

Danh mục hồ sơ/Document Checklist
<p><i>Mỗi ứng viên cần nộp 01 bộ gồm các tài liệu (in trên giấy khổ A4) liệt kê dưới đây. Các văn bản giấy tờ ghi bằng ngôn ngữ khác với tiếng Anh hoặc tiếng Việt thì phải đính kèm bản dịch hợp lệ sang tiếng Anh hoặc tiếng Việt. Hồ sơ đăng ký không trả lại trong bất kỳ trường hợp nào.</i></p> <p><i>Each applicant should submit 01 set of documents (printed on A4-size paper) listed hereunder. Documents in languages other than English or Vietnamese must be attached with duly notarized translation into English or Vietnamese. The submitted documents will not in any case be returned to the applicants.</i></p>
<input type="checkbox"/> 1. Phiếu đăng ký đã điền đầy đủ thông tin/Completed application form.
<input type="checkbox"/> 2. Bản sao, bản dịch có xác nhận hoặc chứng thực văn bằng, kết quả học tập theo quy định đối với từng cấp học, trình độ đào tạo của cơ quan có thẩm quyền của nước gửi đào tạo. Copies and translation of degrees, diplomas and academic transcripts applicable for relevant levels of proposed study, duly notarized or certified by competent authorities of the sending country.

- 3. Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước gửi đào tạo hoặc cơ sở y tế cấp tỉnh, thành phố hoặc Trung ương của Việt Nam chứng nhận đủ sức khỏe để học tập được cấp không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ.
Medical examination certificate issued within 6 months from the date of application by competent health authorities of the sending country or by Vietnamese central, municipal or provincial medical bodies, clearly stating that the applicant is healthy and fit for overseas study.
- 4. Bản sao hợp lệ chứng chỉ trình độ tiếng Việt do cơ sở giáo dục có thẩm quyền cấp hoặc chứng chỉ quốc tế về ngôn ngữ sẽ sử dụng để học tập tại Việt Nam (nếu có).
Duly certified copies of Vietnamese Proficiency Certificates issued by competent educational institutions or internationally recognized certificate of the foreign language to be used for study in Vietnam (if any).
- 5. Bản sao giấy tờ minh chứng về tài chính đảm bảo cho học tập, nghiên cứu và sinh hoạt tại Việt Nam.
Copies of financial guarantee to support study, research and living in Vietnam.
- 6. Đề cương nghiên cứu (đối với nghiên cứu sinh) hoặc kế hoạch thực tập (đối với thực tập sinh).
Research proposal (for PhD applicants) or Plan of practical training (for Internship applicants).
- 7. Thư giới thiệu của 02 nhà khoa học cùng lĩnh vực nghiên cứu có trình độ tiến sĩ (đối với nghiên cứu sinh).
Letters of Recommendation provided by 02 researchers or academics who hold doctorate degrees and have similar fields of research (applicable to PhD applicants).
- 8. Bản sao hợp lệ các tài liệu, chứng chỉ về năng khiếu, chuyên môn, thành tích nghiên cứu,... (nếu có).
Duly certified copies of documents and certificates about the applicant's aptitude, expertise, research achievements, ... (if any).
- 9. Bản sao hộ chiếu có thời hạn sử dụng cho toàn bộ thời gian học tập tại Việt Nam hoặc ít nhất 01 năm kể từ ngày dự kiến đến Việt Nam.
Copy of passport with a validity of the expected duration of study in Vietnam or at least 1 year from the expected arrival in Vietnam.